

Bản án số: 22/2022/DS-ST

Ngày: 26/4/2022.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn.
2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2021/TLST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Chánh T, sinh năm 1964 và bà Trần Thị V, sinh năm 1963; *nơi cư trú:* Số A, đường B, khu phố C, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1976; bà Nguyễn Thị Anh T1, sinh năm 2000; ông Nguyễn Tuấn T2, sinh năm 2002 (Ông T2 hiện đang chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm); *nơi cư trú:* Số D, đường Đ, khu phố E, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06 tháng 9 năm 2021, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải

được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Chánh T và bà Trần Thị V trình bày: Vào ngày 28/10/2019, ông Nguyễn Tuấn L cùng các con ruột là chị Nguyễn Thị Anh T1, anh Nguyễn Tuấn T2 có vay của vợ chồng ông bà số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Hàng tháng ông L, chị T1, anh T2 phải trả số tiền gốc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cộng với khoản tiền lãi phát sinh tương ứng cho đến khi hết khoản nợ nói trên. Theo đó các bên có ký kết hợp đồng vay tiền và được Công chứng viên thuộc Văn phòng Công chứng Hoài Đức chứng nhận ngày 28/10/2019. Tuy nhiên từ sau ngày vay tiền đến nay, cha con ông L đã không thực hiện đúng thỏa thuận, không trả tiền nợ gốc cộng tiền lãi hàng tháng theo như hợp đồng vay tiền đã ký kết. Nay ông T và bà V yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông Nguyễn Tuấn L, chị Nguyễn Thị Anh T1, anh Nguyễn Tuấn T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1%/tháng, kể từ ngày vay tiền 28/10/2019 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tại các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tuấn L trình bày: Ông thống nhất và đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vào ngày 28/10/2019, ông cùng với các con là chị Nguyễn Thị Anh T1, anh Nguyễn Tuấn T2 có lập hợp đồng để vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) của vợ chồng ông Phan Chánh T và bà Trần Thị V, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, số tiền vay được dùng vào mục đích đầu tư mua xe ben, xe máy mức để kinh doanh làm ăn. Hợp đồng vay tiền đã được Công chứng viên thuộc Văn phòng Công chứng Hoài Đức chứng nhận ngày 28/10/2019. Theo hợp đồng thì hàng tháng ông và các con phải trả cho vợ chồng ông T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh tương ứng cho đến khi trả xong khoản tiền vay trên. Do làm ăn kinh doanh bị thất bại nên ông phải bán xe ben, xe máy mức nên không trả được tiền nợ gốc cũng như tiền lãi theo như hợp đồng đã ký kết. Hiện vẫn còn nợ tiền gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Bản thân ông không có việc làm ổn định, cháu Nguyễn Thị Anh T1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, cháu Nguyễn Tuấn T2 hiện đang chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm. Số tiền nợ trên thực tế ông đã vay của vợ chồng ông T trước đó, đến ngày 28/10/2019 các bên mới xác lập lại hợp đồng vay tiền. Nay ông đồng ý cùng với các con trả cho vợ chồng ông T, bà V số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều lập ngày 22/3/2022, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh

Nguyễn Tuấn T2 trình bày: Vào ngày 28/10/2019, anh cùng với cha ruột là ông Nguyễn Tuấn L, chị ruột Nguyễn Thị Anh T1 có lập hợp đồng để vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) của vợ chồng ông Phan Chánh T và bà Trần Thị V. Số tiền vay được dùng để cho cha (ông L) mua xe tải để kinh doanh làm ăn. Nay anh T2 đồng ý trả tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện tại anh đang chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm nên không thể đến Tòa án để tham gia tố tụng được, anh đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn chị Nguyễn Thị Anh T1 đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về nội dung: Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Tuấn L, chị Nguyễn Thị Anh T1, anh Nguyễn Tuấn T2 phải trả cho ông Phan Chánh T và bà Trần Thị V số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày vay 28/10/2019 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất là 1%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Nguyễn Thị Anh T1 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Tuấn T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Xét về hợp đồng vay tài sản: Nguyên đơn và bị đơn là ông Nguyễn Tuấn L, anh Nguyễn Tuấn T2 đều xác nhận vào ngày 28/10/2019, ông L, anh T2 và chị Nguyễn Thị Anh T1 có lập hợp đồng vay tiền với vợ chồng ông Phan Chánh T, bà Trần Thị V để vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), lãi suất vay là 1%/tháng. Hợp đồng vay tiền đã được Công chứng viên thuộc Văn phòng Công chứng Hoài Đức chứng nhận ngày 28/10/2019. Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện trên không phải chứng minh.

[2.2] Xét về yêu cầu khởi kiện: Theo hợp đồng vay tiền thì hàng tháng bên vay phải trả cho bên cho vay số tiền gốc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cộng với tiền lãi phát sinh tương ứng cho đến khi trả hết khoản tiền nợ vay. Thấy rằng, bên vay đã vi phạm hợp đồng, không thực đúng thỏa thuận đã cam kết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh là có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Xét về lãi suất: Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất khi vay là 1%/tháng. Xét thấy, sự thỏa thuận trên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 28/10/2019 đến ngày 26/4/2022 là 29 tháng 29 ngày x 500.000.000 đồng x 1%/tháng = 149.833.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong tiền nợ gốc.

[3] Xét về nghĩa vụ trả tiền: Chị Nguyễn Thị Anh T1 và anh Nguyễn Tuấn T2 là con ruột của ông Nguyễn Tuấn L. Các đương sự cùng thực hiện ký kết hợp

đồng vay tiền. Vì vậy, cần buộc ông L, chị T1, anh T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay và tiền lãi nêu trên là hoàn toàn phù hợp thực tế và đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Buộc ông L, chị T1, anh T2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả nợ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Nguyễn Tuấn L, chị Nguyễn Thị Anh T1 và anh Nguyễn Tuấn T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Phan Chánh T và bà Trần Thị V số tiền là 649.833.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi chín triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 149.833.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng.

2/ Về án phí: Buộc ông Nguyễn Tuấn L, chị Nguyễn Thị Anh T1 và anh Nguyễn Tuấn T2 phải liên đới chịu 29.993.000 đồng (Hai mươi chín triệu chín

trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL.

Ông Phan Chánh T và bà Trần Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005605 ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/4/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện ĐL,
- Chi cục THA dân sự huyện ĐL,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận

